

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa NN&VH Trung Quốc

Ngành: Sư phạm Tiếng Trung Quốc

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	CHI4021	Tiếng Trung Quốc 1A	4	8
8	CHI4022	Tiếng Trung Quốc 1B	4	9
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		Cộng	15	24

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	CHI4023	Tiếng Trung Quốc 2A	4	8
12	CHI4024	Tiếng Trung Quốc 2B	4	9
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	25

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	CHI4025	Tiếng Trung Quốc 3A	4	8
15	CHI4026	Tiếng Trung Quốc 3B	4	9
16	CHI4027B	Tiếng Trung Quốc 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)				
		Cộng	16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	CHI4028	Tiếng Trung Quốc 4A	4	8
20	CHI4029	Tiếng Trung Quốc 4B	4	9
21	CHI4030B	Tiếng Trung Quốc 4C	4	4
22	PSF3007	Tâm lý học	3	3
23-24		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	CHI1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		Cộng	11-21	20-30

Năm học 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
25	CHI2049	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3
26	CHI2045	Đất nước học Trung Quốc 1	3	3
27	PSF3008	Giáo dục học	3	3
28	CHI3038	Lý luận giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)				
		Cộng	12-14	12-14

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước & QLGD	2	2
30	CHI2050	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
31	CHI3049	Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	3
32-33		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	CHI2046	Đất nước học Trung Quốc 2	3	3
	CHI2007	Văn học Trung Quốc 1	3	3
	CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	3
	CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
34-35		Môn tự chọn (V.2)	12	12
	CHI3046	Phiên dịch	3	3
	CHI3019	Biên dịch	3	3
(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 và V.2 ở HK6 hoặc/và 7)				
		Cộng	8-22	8-22

Năm học 2021-2022

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa NN&VH Trung Quốc

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc - Định hướng Phiên dịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	CHI4021	Tiếng Trung Quốc 1A	4	8
8	CHI4022	Tiếng Trung Quốc 1B	4	9
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
Cộng			15	24

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	CHI4023	Tiếng Trung Quốc 2A	4	8
12	CHI4024	Tiếng Trung Quốc 2B	4	9
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
Cộng			16	25

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	CHI4025	Tiếng Trung Quốc 3A	4	8
15	CHI4026	Tiếng Trung Quốc 3B	4	9
16	CHI4027B	Tiếng Trung Quốc 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	CHI4028	Tiếng Trung Quốc 4A	4	8
20	CHI4029	Tiếng Trung Quốc 4B	4	9
21	CHI4030B	Tiếng Trung Quốc 4C	4	4
22-23		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	CHI1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
Cộng			12-18	21-27

Năm học 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	CHI2049	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3
25	CHI2045	Đất nước học Trung Quốc 1	3	3
26	CHI3046	Phiên dịch	3	3
27	CHI3019	Biên dịch	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			12-14	12-14

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
28	CHI3048	Phiên dịch nâng cao	3	3
29	CHI3021	Biên dịch nâng cao	3	3
30	CHI2050	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
31	CHI3040	Lý thuyết dịch	3	3
32	CHI3030	Kỹ năng nghiệp vụ phiên biên dịch	3	3
33-34		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
	CHI2046	Đất nước học Trung Quốc 2	3	3
	CHI2007	Văn học Trung Quốc 1	3	3
	CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	3
35		Môn tự chọn (V.1.2.2)	3	3
	CHI3054	Tiếng Trung Quốc giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	CHI3055	Tiếng Trung Quốc Hành chính - Văn phòng	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối V.1.2.2 ở HK6 hoặc/và 7)</i>				
Cộng			15-26	15-26

Năm học 2021-2022

Học Kỳ 7				
----------	--	--	--	--

Học Kỳ 8				
----------	--	--	--	--

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa NN&VH Trung Quốc

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc - Định hướng Du lịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	CHI4021	Tiếng Trung Quốc 1A	4	8
8	CHI4022	Tiếng Trung Quốc 1B	4	9
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		Cộng	15	24

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	CHI4023	Tiếng Trung Quốc 2A	4	8
12	CHI4024	Tiếng Trung Quốc 2B	4	9
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	25

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	CHI4025	Tiếng Trung Quốc 3A	4	8
15	CHI4026	Tiếng Trung Quốc 3B	4	9
16	CHI4027B	Tiếng Trung Quốc 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		Môn tự chọn 1 (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)				
		Cộng	16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	CHI4028	Tiếng Trung Quốc 4A	4	8
20	CHI4029	Tiếng Trung Quốc 4B	4	9
21	CHI4030B	Tiếng Trung Quốc 4C	4	4
22&23		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	CHI1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		Cộng	12-18	21-27

Năm học 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	CHI2049	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3
25	CHI2045	Đất nước học Trung Quốc 1	3	3
26	CHI3046	Phiên dịch	3	3
27	CHI3019	Biên dịch	3	3
28	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)				
		Cộng	15-17	15-17

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	CHI2050	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
30	TOU2003	Kinh tế du lịch	3	3
31	CHI3052	Tiếng Trung Quốc du lịch - Khách sạn	3	3
32&33		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
	CHI2046	Đất nước học Trung Quốc 2	3	3
	CHI2007	Văn học Trung Quốc 1	3	3
	CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	3
34&35		Môn tự chọn (V.2.2.1)	6	6
	TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3
	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
	TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	3
(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 và V.2.2.1 ở HK6 hoặc/ và 7)				
		Cộng	9-21	9-21

Năm học 2021-2022

Học Kỳ 7				
----------	--	--	--	--

Học Kỳ 8				
----------	--	--	--	--

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa NN&VH Trung Quốc

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc - Định hướng Kinh tế

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	CHI4021	Tiếng Trung Quốc 1A	4	8
8	CHI4022	Tiếng Trung Quốc 1B	4	9
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
Cộng			15	24

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	CHI4023	Tiếng Trung Quốc 2A	4	8
12	CHI4024	Tiếng Trung Quốc 2B	4	9
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
Cộng			16	25

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	CHI4025	Tiếng Trung Quốc 3A	4	8
15	CHI4026	Tiếng Trung Quốc 3B	4	9
16	CH4027b	Tiếng Trung Quốc 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở học kỳ 3 và 5)</i>				
Cộng			16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	CHI4028	Tiếng Trung Quốc 4A	4	8
20	CHI4029	Tiếng Trung Quốc 4B	4	9
21	CHI4030B	Tiếng Trung Quốc 4C	4	4
22-23		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	CHI1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
		Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		MAT1101	3	3
Cộng			12-18	21-27

Năm học 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	CHI2049	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3
25	CHI2045	Đất nước học Trung Quốc 1	3	3
26	CHI3046	Phiên dịch	3	3
27	CHI3019	Biên dịch	3	3
28	INE1050	Kinh tế vi mô	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở học kỳ 3 và 5)</i>				
Cộng			15-17	15-17

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	CHI2050	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
30	CHI3056	Tiếng Trung Quốc kinh tế	3	3
31	INE1051	Kinh tế vi mô	3	3
32		Môn tự chọn (V.3.2.2)	3	3
	CHI3059	Tiếng Trung Quốc tài chính - ngân hàng	3	3
	CHI3054	Tiếng Trung Quốc giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	CHI3052	Tiếng Trung Quốc du lịch - khách sạn	3	3
	CHI3055	Tiếng Trung Quốc hành chính - Văn phòng	3	3
	CHI3058	Tiếng Trung Quốc luật	3	3
33-34		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
	CHI2046	Đất nước học Trung Quốc 2	3	3
	CHI2007	Văn học Trung Quốc 1	3	3
	CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở học kỳ 6 và 7)</i>				
Cộng			9-18	9-18

Năm học 2021-2022

Học Kỳ 7				
----------	--	--	--	--

Học Kỳ 8				
----------	--	--	--	--

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa NN&VH Trung Quốc

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc - Định hướng Trung Quốc học

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	CHI4021	Tiếng Trung Quốc 1A	4	8
8	CHI4022	Tiếng Trung Quốc 1B	4	9
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		Cộng	15	24

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	CHI4023	Tiếng Trung Quốc 2A	4	8
12	CHI4024	Tiếng Trung Quốc 2B	4	9
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	25

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	CHI4025	Tiếng Trung Quốc 3A	4	8
15	CHI4026	Tiếng Trung Quốc 3B	4	9
16	CHI4027B	Tiếng Trung Quốc 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
		Cộng	16-18	26-28

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	CHI4028	Tiếng Trung Quốc 4A	4	8
20	CHI4029	Tiếng Trung Quốc 4B	4	9
21	CHI4030B	Tiếng Trung Quốc 4C	4	4
22&23		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	CHI1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	CHI1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê (Phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	
		Cộng	12--18	21--27

Năm học 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	CHI2049	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3
25	CHI2045	Đất nước học Trung Quốc 1	3	3
26	CHI3046	Phiên dịch	3	3
27	CHI3019	Biên dịch	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	(2)	(2)
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
		Cộng	12--14	12--14

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
28	CHI3042	Nhập môn Trung Quốc học	3	3
29	CHI2050	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
30	CHI3037	Lịch sử Trung Quốc	3	3
31&32		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	
	CHI2046	Đất nước học Trung Quốc 2	3	
	CHI2007	Văn học Trung Quốc 1	3	
	CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc/và 7)</i>				
33		Môn tự chọn (V.4.2.2)	3	3
	CHI3033	Kinh tế Trung Quốc đương đại	3	
	CHI3051	Thơ Đường		
	CHI3045	Phật giáo trong văn hóa Trung Quốc		
	CHI3043	Nho giáo trong thời đại kinh tế thị trường		
	CHI3060	Toàn cầu hóa và các xã hội đương đại		
	CHI3023	Chính sách đối ngoại của Trung Quốc		
		Cộng	9--18	9--18

Năm học 2021-2022

Học Kỳ 7				
----------	--	--	--	--

Học Kỳ 8				
----------	--	--	--	--

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F.1 (2018-2022)

Khoa NN&VH Trung Quốc

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc Chất lượng cao

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng bổ trợ	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	CHI4021*	Tiếng Trung Quốc 1A*	4	8
7	CHI4022*	Tiếng Trung Quốc 1B*	4	9
8	FLF1105	Tiếng Anh cơ sở 1	4	4
		Cộng	12	21

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
9	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
10	CHI4023*	Tiếng Trung Quốc 2A*	4	8
11	CHI4024*	Tiếng Trung Quốc 2B*	4	9
12	FLF1106	Tiếng Anh cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	25

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
13	CHI4025*	Tiếng Trung Quốc 3A*	4	8
14	CHI4026*	Tiếng Trung Quốc 3B*	4	9
15	CHI4055***	Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện	2	3
16	FLF1107	Tiếng Anh cơ sở 3	5	5
		Cộng	15	25

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	CHI4028*	Tiếng Trung Quốc 4A*	4	8
18	CHI4029*	Tiếng Trung Quốc 4B*	4	9
19	CHI4030*	Tiếng Trung Quốc 4C*	2	3
20	FLF1108***	Tiếng Anh cơ sở 4***	5	5
21	HIS1052-E	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
22		Môn tự chọn (Khối II)	3	3
		<i>CHI1001 Địa lý đại cương</i>	<i>3</i>	<i>3</i>
		<i>CHI1002 Môi trường và phát triển</i>	<i>3</i>	<i>3</i>
		Cộng	18-21	28-31

Năm học 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
23	CHI2049*	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1*	3	3
24	CHI4053***	Đất nước học Trung Quốc***	3	3
25	CHI4057***	Phiên dịch Việt - Trung**	3	3
26	CHI4059***	Biên dịch Việt - Trung***	3	3
27	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
28	FLF1004-E	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
29	CHI2047*	Giao tiếp liên văn hóa*	3	3
30		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	<i>HIS1053-E Lịch sử văn minh thế giới</i>		<i>2</i>	<i>2</i>
	<i>FLF1002* Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*</i>		<i>2</i>	<i>2</i>
		Cộng	19-21	19-21

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
31	CHI3040*	Lí thuyết và nghiệp vụ biên - phiên dịch*	3	3
32	CHI2050*	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2*	3	3
33	CHI3054	Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng Trung Quốc)	3	3
34	CHI4058***	Phiên dịch Anh- Trung***	3	3
35	CHI4060***	Biên dịch Anh- Trung***	3	3
36	CHI4056***	Kĩ năng sử dụng tiếng Trung Quốc nâng cao***	3	3
37		Môn tự chọn (IV.1.2)	3	3
	<i>CHI2053 Tiếng Hán cổ đại</i>		<i>3</i>	<i>3</i>
	<i>CHI2044 Các chuyên đề về ngôn ngữ văn hóa TQ</i>		<i>3</i>	<i>3</i>
	<i>CHI4054*** Văn học Trung Quốc</i>		<i>3</i>	<i>3</i>
		Cộng	18-21	18-21

Năm học 2021-2022

Học Kỳ 7				
----------	--	--	--	--

Học Kỳ 8				
----------	--	--	--	--

